

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/DS-ST**
Ngày 05-02-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị V – sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị T – sinh năm 1969;

2/ Ông Trần Văn C – sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà V, bà T có mặt tại phiên tòa; ông C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày: Vào ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch), bà có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng để vợ chồng bà T trồng dưa hấu, bà T có hứa trả lãi 05%/tháng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền vốn và lãi vào ngày 05/5/2018 âm lịch, bà T có viết biên nhận nợ cho bà. Ngoài ra, bà T có mượn của bà số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 12/11/2017 âm lịch, không thỏa thuận lãi suất và bà T mượn vài ngày nên bà T không có viết biên nhận nợ.

Đến ngày 05/5/2018 âm lịch, bà T không trả vốn và lãi cho bà theo thỏa thuận nên bà đã nhiều lần đòi bà T trả tiền thì bà T có trả cho bà 03 lần với tổng số tiền là 19.000.000 đồng, trong đó là trả 10.000.000 đồng tiền vốn mượn ngày 12/11/2017 âm lịch và 9.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 25/10/2017 âm lịch.

Do bà T nhiều lần hẹn trả tiền vốn nhưng không trả nên ngày 19/8/2019 âm lịch bà có gặp ông C chồng bà T để đòi tiền thì ông C đã làm biên nhận nợ hẹn đến ngày 19/9/2019 âm lịch sẽ trả tiền.

Hiện nay ông C, bà T còn nợ bà số tiền vốn là 30.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà T trả cho bà số tiền vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/10/2018 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 03%/tháng, số tiền lãi tạm tính là 9.500.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà thừa nhận bà có vay của bà V số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 25/10/2017 âm lịch, thỏa thuận lãi 05%/tháng, thời gian trả không thỏa thuận, hai bên thỏa thuận 06 tháng trả lãi 01 lần còn tiền vốn thỏa thuận khi nào trúng dưa sẽ trả, bà vay tiền của bà V để vợ chồng làm vốn trồng dưa hấu. Quá trình vay bà đã trả cho bà V số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Hiện nay, bà còn nợ tiền vốn của bà V là 30.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà V số tiền vốn còn nợ, nhưng bà không khả năng trả 01 lần, bà xin bà V cho bà trả số tiền trên trong thời hạn 06 tháng. Đối với tiền lãi thì bà không đồng ý, bà yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bà chỉ vay của bà V số tiền 30.000.000 đồng, ngoài ra bà không có vay của bà V số tiền nào khác.

*** Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn bà V trình bày: Bà chỉ nhận tiền lãi của bà T là 9.000.000 đồng đối với khoản vay 30.000.000 đồng. Bà V vẫn giữ yêu cầu đòi ông C, bà T trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà V rút lại yêu cầu đòi bà T, ông C trả tiền lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn bà T thừa nhận bà còn nợ bà V số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng. Quá trình vay bà đã trả cho bà V tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà V, nhưng bà xin được trả số tiền trên làm 01 lần trong thời hạn 06 tháng, bà không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng cho bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà V khởi kiện yêu cầu ông C và bà T trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 03%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với ông C có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà V đối với ông C, bà T: Hội đồng xét xử xét thấy, trên thực tế bà V đã cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 25/10/2017 âm lịch để bà T và ông C làm vốn trồng dưa hấu, hai bên thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, thỏa thuận 06 tháng trả lãi, bà T đã viết biên nhận nợ cho bà V, đến ngày 19/8/2019 âm lịch ông C chồng bà T đã viết biên nhận nợ hẹn đến ngày 19/9/2019 âm lịch sẽ trả tiền cho bà V. Bà V cho rằng ngoài số tiền nêu trên thì vào ngày 25/11/2017 bà còn cho bà T mượn số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó bà T đã trả cho bà tổng số tiền 19.000.000 đồng trong đó là 10.000.000 đồng tiền mượn vào ngày 25/11/2017, số tiền 9.000.000 đồng còn lại là tiền lãi. Bị đơn bà T thừa nhận bà còn nợ bà V số tiền vốn là 30.000.000 đồng, quá trình vay bà đã trả cho bà V tiền lãi là 18.000.000 đồng, bà T không thừa nhận bà có mượn số tiền 10.000.000 đồng của bà V vào ngày 25/11/2017. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu ông C, bà T trả số tiền vốn 30.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà T đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà V, nhưng xin trả trong thời hạn 06 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình vay bà T, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, việc bà T và ông C nợ bà V trong thời gian dài đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V đòi bà T, ông C trả số tiền 30.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa bà V trình bày quá trình cho vay bà đã nhận của bà T số tiền lãi là 9.000.000 đồng, bà V rút lại toàn bộ yêu cầu ông C, bà T trả lãi đối với số tiền 30.000.000 đồng. Bà T trình bày quá trình vay bà đã trả cho bà V số tiền lãi trong năm 2018 là 18.000.000 đồng, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi bà đã đóng cho bà V. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà V rút lại yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà V.

[5] Về án phí: Bị đơn ông C, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với ông Trần Văn C, bà Lê Thị T.

Buộc ông C, bà T có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền vay là 30.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C và bà T chậm trả số tiền nêu trên thì ông C và bà T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà V đối với số tiền 30.000.000 đồng.

3/ Án phí: Ông C, bà T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà V số tiền 987.500 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0016140 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4/ Bà V, bà T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho ông C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh